DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../2024/QĐ-HĐQT ngày ...../...../2024 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng và vận dụng những cơ chế quản trị công ty phù hợp với điều kiện Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của Ngân hàng.

   Theo đó, Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Ngân hàng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý của Ngân hàng; điều chỉnh các nội dung liên quan đến quản trị nội bộ tại Ngân hàng, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

   a. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc;

   b. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông;

   c. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Ngân hàng;

   d. Các hoạt động khác: phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc; đánh giá hàng năm, khen thưởng, xử lý kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Ngân hàng.

   e. Các nội dung khác liên quan đến quản trị nội bộ.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt

1. *Vietbank hay Ngân hàng:* Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín.
2. *Người quản lý Ngân hàng* bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên khác Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
3. *Người điều hành Ngân hàng* bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các cá nhân giữ chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

4. *Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành* là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.

5. *Thành viên Hội đồng quản trị độc lập* là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng (các) điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

6. *Cổ đông lớn của Ngân hàng* là cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) trở lên vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.

7. *Sở hữu gián tiếp* là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ của Ngân hàng thông qua ủy thác đầu tư hoặc thông qua doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân đó sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ.

8. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 22 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng, khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

9. *Người có quan hệ gia đình* bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

10. *Đại hội đồng cổ đông trực tuyến (Đại hội trực tuyến)* là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể tham gia, theo dõi diễn tiến của Đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.

11. *Đạo đức nghề nghiệp* là những phẩm chất cần có của mỗi người theo đúng những quy tắc chuẩn mực của nghề Ngân hàng theo Quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

12. *Pháp luật* là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.

13. *Điều lệ Ngân hàng* là Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 26/4/2021 và các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ này (nếu có).

14. *Luật Các TCTD năm 2024/Luật Các TCTD* là Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024.

15. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.

16. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khoá XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng11 năm 2019.

Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế.

2. Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ 05 (năm) năm và có thể được bầu tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế.

   Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 5. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ và những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

1. Những đối tượng thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng không được là thành viên Hội đồng quản trị.
2. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ quy định về những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.

Điều 6. Tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị

Tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.

Điều 7. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.
2. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.

Điều 8. Thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành.
3. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, sau khi được bầu, có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải tuân thủ quy định về các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 45 Điều lệ Ngân hàng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản, Nghị quyết thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không ký thì có thể ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác ký hoặc Hội đồng quản trị cử một thành viên Hội đồng quản trị khác ký theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ngân hàng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

   a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

   b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác;

e. Lợi ích có liên quan đến Ngân hàng và các bên có liên quan của Ngân hàng;

f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Ngân hàng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Mục 2
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.
2. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều lệ Ngân hàng.
3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng;
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị. Ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.
5. Cử người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người này.
6. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
7. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
8. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7, Điều 136 của Luật CTCTD, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm r khoản 1 Điều 28 của Điều lệ Ngân hàng.

9. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng.

10. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.

11. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng.

12. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong hoạt động kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc thành viên Hội đồng quản trị không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng giám đốc, cụ thể:

    a. Đối với hoạt động kiểm soát nội bộ, Hội đồng quản trị giám sát Tổng giám đốc trong việc:

    (i) Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát, vận hành và duy trì hệ thống thông tin quản lý và cơ chế trao đổi thông tin;

    (ii) Duy trì văn hóa kiểm soát quy định tại khoản 6 Điều 2 Quy chế này và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong Ngân hàng;

    (iii) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về kiểm soát nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;

    (iv) Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp;

    (v) Các nội dung khác do Hội đồng quản trị quy định.

    b. Đối với quản lý rủi ro, Hội đồng quản trị giám sát Tổng giám đốc trên cơ sở đề xuất, tham mưu của Ủy ban quản lý rủi ro trong việc:

    (i) Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro; việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro;

    (ii) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;

    (iii) Các nội dung khác do Hội đồng quản trị quy định.

    c. Đối với đánh giá nội bộ về mức đủ vốn, Hội đồng quản trị giám sát Tổng giám đốc trong việc:

    (i) Tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn;

    (ii) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;

    (iii) Các nội dung khác do Hội đồng quản trị quy định.

13. Đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng

giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Ngân hàng bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

14. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của Ngân hàng phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát (bao gồm chuẩn mực đạo đức đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ) hoặc của Đại hội đồng cổ đông.
15. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
16. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên.
17. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
18. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của ngân hàng.
19. Quyết định mua lại cổ phần của ngân hàng theo phương án được duyệt.
20. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
21. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan (bao gồm Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị) để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.
22. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
23. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
24. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
25. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
26. Giữa hai kỳ họp Hội đồng quản trị, một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị sẽ được giao cho Thường trực Hội đồng quản trị giải quyết. Thường trực Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo lại Hội đồng quản trị tại kỳ họp gần nhất.

Điều 13. Quyền hạn, nghĩa vụ của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị

Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị có quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Điều lệ Ngân hàng.

Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của các đơn vị trong Ngân hàng.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Ngân hàng quy định.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết Hợp đồng, giao dịch

1. Các Hợp đồng, giao dịch sau đây phải được Hội đồng quản trị thông qua:
   a. Các Hợp đồng giữa Ngân hàng và các đối tượng quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều 12 Quy chế này;
   b. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Ngân hàng phải kê khai lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Ngân hàng;
   c. Các Hợp đồng khác theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.
2. Trường hợp này, người đại diện Ngân hàng ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Ngân hàng quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 16. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
   a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;
   b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
   c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (Mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thônghoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng;
   d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
   e. Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng.
   f. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Trừ trường hợp Điều lệ Ngân hàng có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
   a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
   b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

f. Xác định thời gian và địa điểm họp;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;

h. Công việc khác phục vụ cuộc họp.

4. Tất cả các chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông sẽ do Ngân hàng thanh toán, vì mục đích rõ ràng, các chi phí đó sẽ không bao gồm chi phí mà cổ đông phải chịu để tham dự Đại hội đồng cổ đông như chi phí ăn ở, đi lại và chi phí liên quan khác.

Điều 17. Họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường.

   Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp 01 (một) lần.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

   a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;

   b. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập;

   c. Ban kiểm soát;

   d. Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;

   e. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;

   f. Giám đốc Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.

   g. Các trường hợp khác do Điều lệ Ngân hàng quy định.

3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Hội đồng quản trị bất thường của một trong các đối tượng nêu tại các điểm b, c, d, e khoản 2 Điều này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường. Trường hợp không triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng hoặc những địa điểm khác được Hội đồng quản trị quy định.

5. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Những thành viên Hội đồng quản trị này sẽ gửi phiếu biểu quyết cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thư ký, nhưng không muộn hơn 01 (một) giờ trước giờ khai mạc.

   Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.

6. Số thành viên tham dự yêu cầu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị tham dự.

   Trường hợp cuộc họp được triệu tập không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

7. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

   b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều này.

   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

   Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

8. Biểu quyết:

   a. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có 01 (một) phiếu biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Nếu thành viên Hội đồng quản trị không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay, trừ các nội dung được quy định tại khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 14, 15, 16 và 20 Điều 12 của Quy chế này.

   b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Ngân hàng. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

   c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và những nghi ngờ đó không được thành viên Hội đồng quản trị đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ

tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan đó chưa được biết rõ.

d. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào có liên quan đến một hợp đồng, giao dịch được nêu tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

9. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Ngân hàng và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Ngân hàng, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

10. Biểu quyết đa số: Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).

11. Biên bản:

a. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý ngang nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Biên bản họp có các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(ii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

(iii) Thời gian, địa điểm họp;

(iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

(v) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

(vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

(vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(viii) Các vấn đề đã được thông qua;

(ix) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký biên bản họp và ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản.

b. Trường hợp Chủ toạ và/hoặc Thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị: Trường hợp chủ tọa và/hoặc Thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm từ (i) đến (viii) điểm a khoản này thì Biên bản họp Hội đồng quản trị trong trường hợp này có hiệu lực.

c. Chủ tọa, Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Hội đồng quản trị.

d. Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và biên bản đó sẽ được coi là bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản đó.

e. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

12. Những người được mời dự họp Hội đồng quản trị: Các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và có thể có các cán bộ quản lý, chuyên gia khác, nhưng không được tham gia biểu quyết.

13. Ngoài họp trực tiếp, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được họp dưới các hình thức khác nhau như điện thoại, hội nghị trực tuyến (video conference).... Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Điều 18. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Trường hợp Hội đồng quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Việc lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như tổ chức họp Hội đồng quản trị. Các vấn đề được quyết định bởi cuộc họp Hội đồng quản trị đều có thể được quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Thẩm quyền lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản: Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

3. Thể thức lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản:

a. Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị tài liệu lấy ý kiến có nội dung liên quan đến nội dung cần lấy ý kiến, bao gồm:

(i) Phiếu lấy ý kiến phải có tối thiểu các nội dung sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị;
- Vấn đề cần lấy ý kiến;
- Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng;
- Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

(ii) Tờ trình cần lấy ý kiến và các tài liệu liên quan.

b. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo được gửi bằng thư bảo đảm đến địa chỉ đăng ký của thành viên Hội đồng quản trị (hoặc) bằng bản scan qua email mà thành viên Hội đồng quản trị đã đăng ký với Văn phòng Hội đồng quản trị.

c. Phiếu lấy ý kiến trả về phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và được gửi về Ngân hàng (qua Văn phòng Hội đồng quản trị) bằng bản chính bằng thư bảo đảm đến địa chỉ đăng ký của Ngân hàng (hoặc) bằng bản scan qua email của Thư ký Hội đồng quản trị.

d. Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;

(ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;

(iii) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;

(iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;

(v) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.

e. Thư ký Hội đồng quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản

kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

f. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

g. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

h. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Mục 3
BỘ MÁY THAM MƯU, GIÚP VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Các Hội đồng và Ủy ban

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Ngân hàng và tình hình thực tế công tác quản trị, điều hành, Hội đồng quản trị thành lập các Hội đồng và Ủy ban trực thuộc để tham mưu hoặc thay mặt Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, bao gồm và không giới hạn các Hội đồng, Ủy ban sau:

1. Hội đồng tín dụng có nhiệm vụ xem xét, quyết định các vấn đề liên quan đến cấp tín dụng (bao gồm: cho vay, bảo lãnh, chiết khấu, bao thanh toán và các hình thức cấp tín dụng khác) theo thẩm quyền được Hội đồng quản trị giao.
2. Hội đồng xử lý rủi ro có chức năng, nhiệm vụ quyết định các vấn đề trong công tác phân loại nợ, xử lý rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng.
3. Ủy ban quản lý rủi ro có nhiệm vụ tham mưu, dự báo, xây dựng chiến lược, chính sách quản trị rủi ro của Ngân hàng và tham mưu xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập, các cơ quan chức năng khác.
4. Ủy ban nhân sự có nhiệm vụ tham mưu, dự báo và thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong công tác xây dựng chiến lược, chính sách quản trị, đào tạo nhân sự và các vấn đề khác có liên quan đến quản trị, đào tạo nhân sự của Ngân hàng.

Điều 20. Thường trực Hội đồng quản trị

1. Thường trực Hội đồng quản trị là cơ quan thay mặt Hội đồng quản trị giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị giữa hai kỳ họp Hội đồng quản trị trên cơ sở ủy quyền của Hội đồng quản trị, trừ các nội dung liên quan đến khoản 5 Điều 72 Luật Các TCTD.
2. Căn cứ thực tế công tác quản trị, điều hành, Hội đồng quản trị quyết định thành lập và ban hành các quy định về cơ cấu tổ chức, cơ chế quyết định của Thường trực Hội đồng quản trị như:
   a. Thành phần nhân sự;
   b. Cơ chế hoạt động;
   c. Nhiệm vụ, quyền hạn;

d. Các nội dung khác liên quan.

Điều 21. Văn phòng Hội đồng quản trị

1. Văn phòng Hội đồng quản trị là cơ quan trực thuộc HĐQT có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT/Thường trực HĐQT, các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc Hội đồng quản trị (trừ Hội đồng tín dụng) trong việc thực hiện chức năng quản trị Vietbank và các Công ty con.
2. Thành phần nhân sự của Văn phòng Hội đồng quản trị gồm:
   a. Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị;
   b. (Các) Phó Chánh Văn phòng;
   c. Người phụ trách quản trị công ty của Ngân hàng;
   d. Thư ký Hội đồng quản trị;
   e. Thư ký Ngân hàng
   f. Các Chuyên viên;
   g. Các nhân viên.
3. Chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Hội đồng quản trị thực hiện theo Quy chế tổ chức, hoạt động của Văn phòng Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị ban hành.

Mục 4
BÁO CÁO, KHEN THƯỞNG, THÙ LAO ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CÁC NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Điều 22. Trình báo cáo hằng năm

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo sau để trình ra Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền:
   a. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính vừa kết thúc và kế hoạch kinh doanh của năm tiếp theo;
   b. Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán;
   c. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Ngân hàng.
2. Báo cáo tài chính hàng năm theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày dự kiến khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
3. Các báo cáo, tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị, Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát về báo cáo tài chính phải được hoàn thành, lưu trữ tại trụ sở Ngân hàng và được công bố thông tin trên website về tài liệu Đại hội đồng cổ đông theo quy định về thời gian gửi, công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không muộn hơn 10 (mười) ngày trước ngày dự kiến khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Khen thưởng đối với Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ quản trị ngân hàng, bảo đảm Ngân hàng phát triển ổn định, kinh doanh có hiệu quả là cơ sở để được xem xét, khen thưởng cho tập thể hoặc thành viên Hội đồng quản trị.

2. Hình thức và mức khen thưởng đối với tập thể hoặc thành viên Hội đồng quản trị được xác định trên cơ sở tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác hàng năm của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp mức khen thưởng vượt tổng mức mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 24. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị không hưởng lương mà hưởng thù lao công vụ và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Tổng số phí công vụ (thù lao và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và số phí công vụ mà mỗi thành viên Hội đồng quản trị đã nhận sẽ được nêu chi tiết trong Báo cáo hàng năm của Ngân hàng.

Điều 25. Nghĩa vụ thận trọng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác.

Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo cách thức mà những người này xét là có lợi cho Ngân hàng phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng với mức độ thận trọng mà một người cẩn thận thông thường cũng sẽ thực hiện tương tự khi ở vào điều kiện và hoàn cảnh tương tự; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Điều 26. Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi

Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tuân thủ quy định về tránh xung đột quyền lợi theo quy định tại Điều 40 Điều lệ Ngân hàng.

Điều 27. Nghĩa vụ công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:

   a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;

   b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);

   c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;

d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

2. Việc cung cấp thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

3. Ngân hàng phải công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng và phải thực hiện thông báo cho NHNN trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Ngân hàng đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Ngân hàng.

Điều 28. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn, vi phạm quy định về trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng và Quy chế này, phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Ngân hàng và bên thứ ba.

2. Ngân hàng sẽ bồi thường các chi phí phát sinh (kể cả chi phí luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, khiếu kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính mà không phải là việc kiện tụng do Ngân hàng thực hiện) nếu người đó thực hiện nhiệm vụ với tư cách với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị mà những người này phải tham gia hoặc đại diện được ngân hàng ủy quyền, với điều kiện những người này đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy chế của Ngân hàng một cách trung thực, cẩn trọng, mẫn cán với năng lực chuyên môn vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích của Ngân hàng. Ngân hàng có thể mua và duy trì bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Mục 5
MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC, CỔ ĐÔNG, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 29. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ gữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc mà thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách mà cần có

ý kiến của thành viên đó thì thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập văn bản và báo cáo chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 30. Quan hệ làm việc với Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng, quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp, làm việc theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, đồng hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của đa số thành viên Ban kiểm soát.
3. Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến Trưởng Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.
4. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp.
5. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát.
6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng cho Ban kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
7. Ban kiểm soát có trách nhiệm thông báo cho Hội đồng quản trị về kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý của Ban kiểm soát để Hội đồng quản trị biết và phối hợp hoạt động.
8. Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập họp Ban kiểm soát, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của Chủ tịch hoặc ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị .
9. Ban kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý có hành vi vi phạm do Ban kiểm soát phát hiện và có những kiến nghị cần thiết.
10. Hội đồng quản trị phối hợp với Bộ phận kiểm toán nội bộ thuộc Ban kiểm soát khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị.
11. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện việc chấn chỉnh kịp thời.
12. Hội đồng quản trị thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị.

Điều 31. Quan hệ làm việc với Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ quản lý, giám sát và điều hành đối với hoạt động của Tổng giám đốc trong việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị về:
   a. Việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành Ngân hàng (kết quả hoạt động, kết quả kinh doanh hàng tháng; báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm); báo cáo đầy đủ, kịp thời các thông tin cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
   b. Các vi phạm nghiêm trọng trong việc tuân thủ quy định của pháp luật, thay đổi quy định liên quan của pháp luật theo quy định nội bộ của Ngân hàng (trên cơ sở tham mưu của bộ phận tuân thủ);
   c. Các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của Hội đồng quản trị.
3. Tổng giám đốc kiến nghị họp Hội đồng quản trị bất thường khi cần thiết. Báo cáo và xin ý kiến Hội đồng quản trị/ Thường trực Hội đồng quản trị giải quyết những vướng mắc phát sinh về phân cấp, phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong quá trình điều hành Ngân hàng.
4. Trong trường hợp xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể yêu cầu Tổng giám đốc tạm ngừng thực hiện quyết định có nguy cơ gây ra tổn thất, thiệt hại lợi ích đối với Ngân hàng.
5. Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng giám đốc trên cơ sở đề nghị của Ban kiểm soát; đánh giá kết quả công tác điều hành của Tổng giám đốc và kiến nghị các giải pháp để nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành của Tổng giám đốc.

Điều 32. Quan hệ với cổ đông ngân hàng

1. Hội đồng quản trị với tư cách đại diện cổ đông thực hiện nhiệm vụ quản trị Ngân hàng. Do đó, Hội đồng quản trị phải chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo trung thực, chính xác đến cổ đông về hoạt động của Ngân hàng, kết quả triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Có trách nhiệm giải đáp các chất vấn và giải quyết các kiến nghị của cổ đông yêu cầu đối với Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm phổ biến, quán triệt, theo dõi, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Quan hệ với tổ chức công đoàn

1. Hội đồng quản trị tạo điều kiện về tài chính và thời gian để Ban chấp hành công đoàn cơ sở, Công đoàn thành viên, Công đoàn bộ phận làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.
2. Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng giám đốc ký Thỏa ước lao động tập thể với Ban chấp hành công đoàn cơ sở.
3. Đại diện Ban chấp hành công đoàn tham gia Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật để bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động.
4. Hội đồng quản trị xây dựng cơ chế để Ban chấp hành công đoàn cơ sở giám sát việc sử dụng hợp lý quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng của Ngân hàng.

CHƯƠNG III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024.
2. Quy định chuyển tiếp: Hội đồng quản trị của Ngân hàng được bầu trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành chưa đáp ứng quy định về cơ cấu nhân sự theo khoản 1 Điều 8 Quy chế quản trị nội bộ công ty của Vietbank vẫn tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.
3. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật đó đương nhiên được áp dụng, điều chỉnh tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị.
4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

DƯƠNG NHẤT NGUYÊN